

1. Xu thế tất yếu của toàn cầu hóa

Điều kiện tự nhiên luôn gắn liền với sự ra đời và phát triển của xã hội loài người. Song điều kiện sống và sự phát triển của các vùng, các châu lục lại có sự khác biệt. Bởi vì cấu tạo tự nhiên của trái đất đã phân thành các vùng với vị trí địa lý, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên khác nhau. Chẳng hạn châu Mỹ có diện tích tới 42.049.000 km², nhưng dân cư chỉ có 816 triệu người, mật độ dân số hơn 19 người/km²; châu Phi có 30.306.000 km², dân số 771 triệu người, mật độ dân số hơn 25 người/km²; châu Á có diện tích 31.764.000 km², song dân số tới 3.637 triệu người và mật độ dân số lên tới hơn 113 người/km²; châu Âu với diện tích 22.985.000 km², dân số 728 triệu người, mật độ dân số hơn 31 người/km²; châu Đại Dương có diện tích 8.537.000 km², dân số chỉ có 30 triệu người, mật độ dân số hơn 3 người/km². Diện tích trái đất là 135.641.000 km², dân số tháng 10.1999 là 6.000 triệu người, mật độ dân số hơn 45 người/km². Còn tổng sản phẩm quốc gia (Gross National Product - GNP) của các châu lục cũng khác nhau rất nhiều. Ví dụ: châu Phi có diện tích rộng lớn, mật độ dân số thấp, song bình quân GNP trên đầu người chỉ có 660 USD/người/năm; châu Á có mật độ dân số gần gấp 5 lần châu Phi, nhưng bình quân GNP trên đầu người lên tới 2.450 USD/người/năm, còn châu Âu có GNP bình quân đầu người tới 13.890 USD, cao gấp 20 lần châu Phi và gấp hơn 5 lần châu Á (1). Chính sự phân bố không đều về tài nguyên thiên nhiên, khí hậu, môi trường dẫn đến sự khác nhau về trình độ phát triển; về thu nhập và mức sống. Nền hiện tượng di chuyển dân cư từ vùng mật độ dân số cao, điều kiện sống khó khăn, khó kiếm việc làm, thu nhập thấp đến nơi dân cư thưa thớt, điều kiện lao động, việc làm, thu nhập cao, môi trường sống tốt hơn. Điều đó đã diễn ra thường xuyên và trở thành xu thế tất yếu khách quan. Mặt khác, con người phải tìm các giải pháp khắc phục tình trạng khan hiếm tài nguyên, bằng cách giao thương trao đổi, mua bán không chỉ hàng tiêu dùng, mà cả các loại tài nguyên khoáng sản, nhằm khai thác các nguồn lực dư thừa của

các nước khác để bổ sung cho sự khan hiếm, thiếu hụt nguồn lực phát triển của nước mình. Điều này cũng trở thành xu thế tất yếu phục vụ cho nhu cầu phát triển của các quốc gia trên thế giới. Bởi vì các quốc gia trên thế giới, không nước nào có đầy đủ các yếu tố nguồn lực để tự mình xây dựng một nền kinh tế phát triển bền vững.

Nền toàn cầu hóa xét về bản chất là do xã hội loài người ngày một đông đảo về số lượng và nhu cầu cải thiện chất lượng cuộc sống ngày một cao. Do đó mối liên hệ, sự ảnh hưởng

không chỉ tăng nhanh về số vụ sáp nhập, mà còn tăng về quy mô giá trị.

Các công ty tư bản độc quyền xuyên quốc gia đã có ảnh hưởng và sự tác động mạnh mẽ đến quá trình toàn cầu hóa và sự phát triển của kinh tế thế giới. Theo số liệu của UNCTAD, năm 1998 đã có 53.000 doanh nghiệp hoạt động xuyên quốc gia với 450.000 cơ sở sản xuất và chiếm gần 2/3 tổng khối lượng buôn bán trên thế giới, trong đó 1/4 buôn bán nội địa. Theo tài liệu của Liên Hiệp Quốc thì 60.000 hãng xuyên quốc gia trên thế giới chiếm 1/4 sản lượng sản phẩm đầu ra của thế giới, kiểm soát 2/3 thương mại thế giới, 4/5 nguồn vốn đầu tư trực tiếp ở nước ngoài và 9/10 (2) kết quả nghiên cứu chuyển giao công nghệ trên thế giới.

2. Đặc trưng của toàn cầu hóa

Một là; sự phát triển nhanh chóng các mối quan hệ kinh tế thương mại và chu chuyển trên

phạm vi quốc tế và khu vực.

Hai là; từ xu hướng liên kết dẫn đến sự ra đời các tổ chức kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực.

Ba là; toàn cầu hóa, không chỉ tác động đến kinh tế, mà còn tác động đến quá trình hình thành các tổ chức chính trị quốc tế.

Bốn là; toàn cầu hóa, cùng với sự hình thành các tổ chức chính trị quốc tế, cũng hình thành luật pháp quốc tế. Chẳng hạn công ước quốc tế về luật biển năm 1982...

* Những mặt tích cực của toàn cầu hóa

Một là; tạo điều kiện cho các quốc gia có khả năng khai thác nguồn lực phát triển của nhau, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Thực tế cho thấy nửa đầu thế kỷ 20, GDP của thế giới tăng 2,7 lần, thì nửa cuối thế kỷ 20 tăng 5,2 lần.

Hai là; tạo ra môi trường cạnh tranh khốc liệt, đòi hỏi các nền kinh tế phải cải cách sâu rộng để thích ứng, nâng cao sức cạnh tranh, mở

TOÀN CẦU HÓA

VÀ CÁC VẤN ĐỀ ĐẶT RA

CHO QUÁ TRÌNH

PHÁT TRIỂN KINH TẾ NƯỚC TA

PGS. TS. TRẦN VĂN CHỦ

và tác động qua lại giữa các quốc gia có xu hướng tăng lên nhanh chóng và rộng khắp. Nhưng xu thế đó chỉ diễn ra, khi mà khoa học - công nghệ và lực lượng sản xuất phát triển ở trình độ cao.

Sự di chuyển dân cư và quan hệ kinh tế xã hội giữa các quốc gia diễn ra rất sôi động từ thế kỷ XX. Từ thời điểm này dòng lao động, dân cư từ châu Âu sang Bắc Mỹ lên tới gần 40 triệu người; gần chục triệu người chuyển đến Úc và Argentina; rất đông người từ Ấn Độ và Trung Quốc đến các nước Nam Á và châu Phi.

Về kinh tế, xu thế quốc tế hóa lực lượng sản xuất, hình thành các công ty xuyên quốc gia và xu hướng sáp nhập các công ty có quy mô nhỏ thành các công ty khổng lồ để tăng khả năng cạnh tranh, nhằm độc chiếm vai trò chi phối thị trường quốc tế và khu vực đang ngày một tăng nhanh. Năm 1998 chỉ tính 5 vụ sáp nhập lớn đã có tổng giá trị lên tới 366 tỷ USD. Năm 1999 riêng 10 vụ sáp nhập các công ty lớn trên thế giới đã có giá trị hơn 1.500 tỷ USD, riêng vụ sáp nhập 3 ngân hàng lớn của Nhật Bản tháng 8 năm 1999 đã có giá trị 1.200 tỷ USD. Những tháng đầu năm 2000 xu thế sáp nhập cũng đang diễn ra sôi động. Như vậy xu hướng sáp nhập các công ty xuyên quốc gia

rộng thị trường, thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Bốn là; mở rộng giao lưu, tăng cường quan hệ cả kinh tế chính trị và xã hội giữa các dân tộc, làm cho mọi quốc gia trên mọi châu lục hiểu biết nhau hơn.

* Những mặt tiêu cực của toàn cầu hóa

Không phải quốc gia nào cũng khai thác, tận dụng được các mặt tích cực của toàn cầu hóa, mà chỉ các nước phát triển mới thụ hưởng được lợi thế đó. Nền toàn cầu

hóa đã khoét sâu hố ngăn cách giàu nghèo và làm trầm trọng thêm sự bất công xã hội trong từng nước và giữa các nước với nhau. Báo cáo mới nhất của UNDP đã khẳng định: "toàn cầu hóa đã mang lại sự giàu có vô độ cho những người biết tận dụng lợi thế của các luồng hàng hóa, dịch vụ tràn qua các đường biên giới quốc gia".

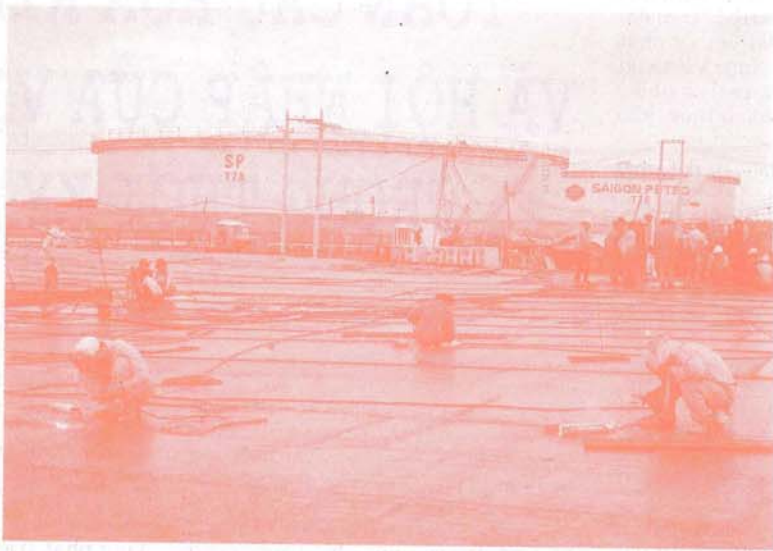
Trong thực tế cho thấy, toàn cầu hóa đang mang lại lợi ích cho các nước phát triển có điều kiện tận hưởng lợi thế của nó. Trong khi đó có 85 nước mức sống bị suy giảm so với 10 năm trước, khoảng cách giàu nghèo ngày một xa. Các nước công nghiệp phát triển chiếm 20% dân số thế giới, song hiện đang chiếm 86% GDP toàn cầu. Trong lúc đó các nước nghèo cũng chiếm 20% dân số thế giới thì chỉ tạo ra 1% GDP của toàn thế giới. Khoảng cách giữa 5% số người giàu có và 5% số người nghèo khó ngày càng cách xa. Ví dụ năm 1820 có tỷ lệ 3/1 (tức là 3 lần); năm 1913 là 11/1; năm 1960 là 30/1 và hiện nay là 74/1 (3).

Như vậy, toàn cầu hóa càng phát triển thì hố ngăn cách giàu nghèo càng sâu thêm.

Hai là; toàn cầu hóa mở rộng thị trường, tạo ra sức cạnh tranh gay gắt, song là cuộc chạy đua không cân giữa các nước giàu, các tập đoàn tư bản khổng lồ với các nước kém phát triển, có nền kinh tế lạc hậu. Trong cuộc cạnh tranh đó chắc chắn các nước đang phát triển và kém phát triển phần lớn bị thua thiệt.

Ba là; toàn cầu hóa cũng tạo ra nguy cơ làm biến dạng hoặc mất đi bản sắc dân tộc, mất độc lập tự chủ của quốc gia. Đồng thời nó cũng tạo ra khả năng quốc tế hóa các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội.

Ảnh PHD



3. Những vấn đề đặt ra cho nền kinh tế nước ta khi bước vào hội nhập

Một là; nền kinh tế nước ta có điểm xuất phát thấp, cụ thể là GDP bình quân đầu người còn thấp, chưa thoát khỏi ranh giới nghèo đói. Theo thống kê tóm tắt năm 1999 thì GDP nước ta đạt 399.942 tỷ đồng VN, quy đổi bằng 28,5 tỷ USD, thì mức GDP bình quân đầu người là 370 USD/người/năm. Như vậy bình quân GDP cho một ngày, một người chỉ xấp xỉ 1 USD, bằng với tiêu chí nghèo đói của thế giới. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị còn rất cao và có xu hướng gia tăng, năm 1996 là 5,88%, năm 1997 là 6,01%, năm 1998 là 6,8% và năm 1999 là 7,4% (4). Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm dần từ 8,15% năm 1997 còn 4,8% năm 1999 và chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng khá lớn, công nghiệp và dịch vụ không những tăng chậm mà còn có biểu hiện chững lại do chịu sự tác động của khủng hoảng kinh tế khu vực và chính sách đầu tư kém hiệu quả.

Hai là; máy móc, thiết bị, công nghệ thuộc tất cả các ngành, các lĩnh vực trong nền kinh tế nước ta còn thấp hơn mức trung bình của thế giới từ 1 - 3 thế hệ công nghệ nên ảnh hưởng rất lớn đến năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Nền việc tiếp cận, chiếm lĩnh thị trường trong nước, khu vực và thế giới của sản phẩm hàng hóa nước ta rất hạn chế.

Ba là; tổng giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu nước ta năm 1999 mới đạt 23,159 tỷ USD, nếu chia bình quân đầu người mới đạt khoảng 300 USD. Trong lúc đó bình quân giá trị xuất nhập khẩu của châu Phi là 342 USD/người/năm và toàn thế giới là 1.830 USD/người/năm. Như vậy, mức

trao đổi hàng hóa của nước ta với thế giới còn thấp.

Bốn là; do máy móc, thiết bị công nghệ lạc hậu, nên năng suất lao động, chất lượng sản phẩm thấp, giá thành sản phẩm lại cao nên sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa nước ta kém so với sản phẩm hàng hóa của các nước trong khu vực và thế giới. Đây là thách thức lớn nhất đối với các doanh nghiệp và nền kinh tế nước ta khi bước vào hội nhập.

Để vượt qua được thách thức trước áp lực cạnh tranh rất mạnh mẽ của thị trường khu vực và thế giới, vươn lên thụ hưởng được lợi thế của toàn cầu hóa, thì cần phải:

Một là; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đổi mới thiết bị công nghệ, chuyển nền kinh tế từ trình độ phát triển thấp của lực lượng sản xuất sang nền kinh tế phát triển với trình độ công nghệ cao, kỹ thuật tiên tiến, hiện đại.

Hai là; đổi mới hệ thống chính sách, luật pháp không chỉ phù hợp với sự vận động, phát triển của nền kinh tế, mà còn phải phù hợp với thông lệ quốc tế và khu vực.

Ba là; phải đẩy mạnh phát triển kinh tế hướng về xuất khẩu, song chú trọng khai thác các nguồn lực trong nước; sử dụng nguồn lực nước ngoài nhằm hỗ trợ, bổ sung, thúc đẩy khai thác có hiệu quả nguồn lực trong nước.

Bốn là; xây dựng đội ngũ cán bộ có đầy đủ các yêu cầu phục vụ cho nền kinh tế hội nhập, đó là có khả năng chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật; am hiểu kinh nghiệm kinh doanh, luật pháp nước ta và thông lệ quốc tế; có khả năng giao tiếp trực tiếp với các đối tác nước ngoài và trung thành với lợi ích kinh tế, chính trị xã hội của quốc gia ■

(1) Niên giám thống kê (tóm tắt), Nxb Thống kê, Hà Nội 2000

(2) Tài liệu tham khảo số 3/2000 của TTXVN

(3) Tài liệu tham khảo số 3/2000 của TTXVN

(4) Niên giám thống kê (tóm tắt) 1999. Nxb Thống kê, Hà Nội, 2000.